



Chữ ký

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU
VINAGLOBAL SECURITIES CORPORATION
79 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, Tp. HCM
Điện thoại : (84-8) 34050333 Fax : (84-8) 34050111

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2012

TP, Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU
 79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50,963,371,165	68,611,697,270
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	2,362,428,317	439,311,498
Tiền	111		2,362,428,317	439,311,498
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	VI.3	41,736,712,465	57,689,295,389
1. Phải thu khách hàng	131		40,946,406,252	56,898,989,176
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Các khoản phải thu khác	135		1,330,868,755	1,330,868,755
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(540,562,542)	(540,562,542)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,864,230,383	10,483,090,383
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89,725,001	89,725,001
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.4	6,774,505,382	10,393,365,382
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,327,211,099	4,763,576,814
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3,667,142,030	4,043,526,945
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.5	2,667,080,215	2,972,461,729
Nguyên giá	222		5,613,161,151	5,613,161,151
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,946,080,936)	(2,640,699,422)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.6	1,000,061,815	1,071,065,216
Nguyên giá	228		1,515,280,520	1,515,280,520
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(515,218,705)	(444,215,304)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		660,069,069	720,049,869
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	152,953,185	212,933,985
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.8	507,115,884	507,115,884
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55,290,582,264	73,375,274,084

Báo cáo này được đính kèm với thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		23,697,094,147	42,762,538,526
I. Nợ ngắn hạn	310		23,697,094,147	42,762,538,526
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.9	20,118,375,000	21,118,375,000
2. Phải trả người bán	312	VI.10	(56,808,000)	(56,808,000)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.11	448,889,234	447,201,724
4. Phải trả người lao động	315		(6,761,897)	25,747,916
5. Chi phí phải trả	316	VI.12	190,163,258	190,163,258
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.13	212,360,027	(23,904,871,004)
7. Phải trả hồ sơ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		644,807,475	44,806,393,545
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	VI.14	2,146,069,050	136,336,087
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.15	31,593,488,117	30,612,735,558
I. Vốn chủ sở hữu	410		31,593,488,117	30,612,735,558
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35,000,000,000	35,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(3,406,511,883)	(4,387,264,442)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55,290,582,264	73,375,274,084

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2013



NGUYỄN THẾ NHIÊN
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ CẢNH
Phụ trách kế toán

Báo cáo này được đính kèm với thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết Minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu	01	VII.1	3,373,380,723	2,832,533,714
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	02		21,142,851	372,636,997
- Doanh thu hoạt động tư vấn	11		-	-
- Doanh thu khác	21		3,352,237,872	2,459,896,717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22		3,373,380,723	2,832,533,714
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	VII.2	676,171,752	317,081,329
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh			2,697,208,971	2,515,452,385
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	VII.3	1,716,456,412	2,600,884,616
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			980,752,559	(85,432,231)
8. Thu nhập khác	25		-	-
9. Chi phí khác			-	-
10. Lợi nhuận khác	30		-	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		980,752,559	(85,432,231)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>980,752,559</u>	<u>(85,432,231)</u>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>280</u>	<u>(481)</u>

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2013



NGUYỄN THỊ NHIÊN
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ CẢNH
Phụ trách kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU
 79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BAO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Quý 4 năm 2012

Nôn và tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		980,752,559	(85,432,251)
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		376,384,915	194,087,481
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,357,137,474	108,655,250
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19,571,442,924	3,720,932,824
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(18,065,444,379)	(9,173,274,251)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		59,980,800	119,715,399
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		2,923,116,819	(5,223,970,778)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		(1,000,000,000)	(21,602,000,000)
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(1,000,000,000)	(21,602,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1,923,116,819	(26,825,970,778)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		439,311,498	27,265,282,276
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VL1	2,362,428,317	439,311,498

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2013



NGUYỄN THỊ HIỀN
 Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ CẢNH
 Phụ trách kế toán

Báo cáo này được đính kèm với thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Toàn Cầu (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới được ban hành theo quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính và Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán.
2. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

3 / 3
CC
01
01
/ 7 / 2

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 08

5. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao trong 10 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa hệ thống BOSG và Gateway vào sử dụng. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao trong 10 năm.

6. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập doanh nghiệp và chi phí trả trước công cụ dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân bổ trong vòng 03 năm kể từ khi đưa vào sử dụng.

7. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% lợi nhuận thu được.

Năm 2011 Công ty kinh doanh có lãi nhưng đang thực hiện chuyển lỗ nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ vận được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong, khách hàng chấp nhận thanh toán và xuất hóa đơn giá trị gia tăng;

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận khi nghiệp vụ giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh và xuất hóa đơn giá trị gia tăng;

Doanh thu tiền lãi ngân hàng, lãi cổ tức được ghi nhận theo thông báo của bên còn lại;

Doanh thu tiền lãi hỗ trợ mua bán chứng khoán căn cứ vào hợp đồng với nhà đầu tư.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

11. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là nguồn vốn góp cổ phần của các cổ đông.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh VIII.2.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	951.882	20.092.425
(b) Tiền gửi ngân hàng	2.361.476.435	419.219.073
Tiền gửi của công ty	-	-
Tiền gửi của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	-	-
(c) Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	<u>2.362.428.317</u>	<u>439.311.498</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Stt	Chi tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ		
		Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi
1	Phải thu khách hàng	56.898.989.176	-	-	21.208.520.900	37.161.103.824	40.946.406.252	-	-
2	Trả trước cho người bán	56.808.000-	-	-	-	-	56.808.000-	-	-
3	Phải thu khác	-	-	-	-	-	1.330.868.755	-	-
4	Dự phòng phải thu	-	-	-	-	-	(540.562.542)	-	-
	Cộng	56.955.797.176	-	-	21.208.520.900	37.161.103.824	41.003.214.252	-	-

3. Tài sản ngắn hạn khác

	Số kỳ này	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	89.725.001	89.725.001
Tạm ứng	6.774.505.382	10.393.365.382
Cộng	6.864.230.383	10.536.365.382

4. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên Giá			
1. Số đầu năm	5.156.572.936	456.588.215	5.613.161.151
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	5.156.572.936	456.588.215	5.613.161.151
II. Giá Trị Hao Mòn			
1. Số đầu năm	2.396.201.903	251.526.942	2.647.728.845
2. Tăng trong năm	269.433.991	35.947.523	305.381.514
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối kỳ	2.665.635.894	287.474.465	2.667.080.215
III. Giá Trị còn lại			
1. Số đầu năm	2.760.371.033	205.061.273	2.965.432.306
2. Số cuối kỳ	2.490.937.042	169.113.750	2.660.050.792

5. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
I. Nguyên Giá			
1. Số đầu năm	1.030.630.520	484.650.000	1.515.280.520
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối kỳ	1.030.630.520	484.650.000	1.515.280.520
II. Giá Trị Hao Mòn			
1. Số đầu năm	296.057.979	117.596.250	413.474.229
2. Tăng trong kỳ	11.483.888	26.398.125	37.882.013
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	307.541.867	143.994.375	515.218.705
III. Giá Trị còn lại			

<i>Chi tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Coảng</i>
1. Số đầu năm	723.088.653	340.655.625	1.063.924.278
2. Số cuối kỳ	723.088.653	340.655.625	1.000.061.815

6. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chi phí</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Phân bổ vào chi phí trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Công cụ dụng cụ	13.138.563	-	6.999.470	13.138.563
Chi phí khai trương Công ty	-	-	-	-
Chi phí sửa chữa nhà 79 Nguyễn Công Trứ	199.795.422	-	22.990.930	199.795.422
Cộng	212.933.985	-	59.980.800	152.953.185

7. Quỹ hỗ trợ thanh toán

<i>Số dư đầu năm</i>				<i>507.115.884</i>
Nộp quỹ hỗ trợ thanh toán				
Lãi phân bổ trong kỳ				
Số cuối năm			507.115.884	

8. Vay và nợ ngắn hạn

<i>Ngân hàng cho vay</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</i>	<i>Số tiền vay đã trả trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - CN Bình Thuận	21.118.375.000	-	1.000.000.000	20.118.375.000
Ngân hàng SHB	-	-	-	-
Tổng cộng	21.118.375.000			20.118.375.000

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
1.	Thuế GTGT hàng nội địa	80.163.392	-	-	80.163.392
2.	Các loại thuế khác	313.522.872	55.202.970	-	368.725.842
	- Thuế môn bài	-	-	-	-
	- Thuế TNCN	313.522.872	-	-	368.725.842
	Tổng cộng	447.201.724	-	-	448.889.234

• **Thuế giá trị gia tăng**

Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán chịu thuế 10%

Hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn không chịu thuế

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau, Số Thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

11/11/2011

Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí trả trước	190.163.258	190.163.258
Chi phí dịch vụ	-	-
Cộng	<u>190.163.258</u>	<u>190.163.258</u>

9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	212.360.027	(23.904.871.004)
Phí giao dịch chứng khoán tháng 12	-	-
Phí lưu ký chứng khoán tháng 12	-	-
Cộng	<u>212.360.027</u>	<u>(23.904.871.004)</u>

10. Phải trả phải nộp khác

Kinh phí công đoàn	37.402.487	34.313.283
Các khoản phải trả phải nộp khác	-	-
Phải trả chi phí trước thành lập - Nguyễn Ngọc Thắng	124.780.000	124.780.000
Bảo hiểm xã hội-y tế	(26.839.321)	(28.505.925)
Phải trả khác	2.010.725.884	6.107.388
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	-	-
Cộng	<u>2.146.069.050</u>	<u>136.336.087</u>

11. Nguồn vốn kinh doanh

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	35.000.000.000	-	(4.387.264.442)	30.612.735.558
Lãi trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>35.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(3.406.511.883)</u>	<u>31.593.488.117</u>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tên cổ đông	Số tiền (VND)
- Công ty Đầu Tư – Tin học và Tư vấn xây dựng Phương Nam	7.000.000.000
- Công ty TNHH Xây Dựng An Cư	7.000.000.000
- Ông Mai Văn Công	5.250.000.000
- Ông Châu Vinh Quang	5.250.000.000
- Ông Nguyễn Bảo Thành	5.250.000.000
- Ông Hoàng Biểu	5.250.000.000
Cộng	<u>35.000.000.000</u>

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000
+ Cổ phiếu phát hành cho cổ đông sáng lập	3.500.000
+ Cổ phiếu phát hành cho cổ đông thường	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	21.142.851	372.636.997
Doanh thu hoạt động tư vấn		
Doanh thu khác	3.352.237.872	2.459.896.717
Cộng	<u>3.373.380.723</u>	<u>2.832.533.714</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2013



NGUYỄN THẾ NHÌÊN
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ CẢNH
Phụ trách kế toán